

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY



Tên viết tắt : PTS Hà Tây
Mã chứng khoán : **PTH**
Địa chỉ : Km17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại : 04 33535228
Fax : 04 33531214
Website : www.ptshatay.petrokimex.com.vn

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA PTS HÀ TÂY

1. Những sự kiện quan trọng

Năm 2000: Được thành lập, trong đó cổ đông lớn là Petrokimex Việt Nam.

Năm 2001: Thành lập chi nhánh tại Hòa Bình

Năm 2002: Thành lập chi nhánh tại Hà Nội (khi đó Hà Tây chưa thuộc Hà Nội)

Năm 2003: Tăng Vốn Điều lệ từ 6 tỷ đồng lên 6,5 tỷ đồng.

Năm 2006: Tăng Vốn Điều lệ từ 6, 5 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng bằng việc phát hành riêng lẻ cho Petrokimex Việt Nam và cho cổ đông hiện hữu.

Năm 2009: Phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn từ 10 tỷ đồng lên 16 tỷ đồng bằng việc phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Năm 2010: Giao dịch trên thị trường UPCoM.

2. Quá trình phát triển

a. Ngành nghề hoạt động

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần thứ 10 ngày 19 tháng 05 năm 2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Tổng đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện vận tải, vật tư, thiết bị, phụ tùng ô tô, vật tư thiết bị chuyên dùng xăng dầu;
- Xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu, thiết bị xăng dầu và các công trình dân dụng khác;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ kho vận, bãi đỗ xe, Dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải;
- Đại lý bảo hiểm;
- Bán buôn, bán lẻ sơn, nước giặt;
- Kinh doanh bất động sản;

b. Tình hình hoạt động

Hiện tại Công ty đang tập trung vào 03 lĩnh vực chính:

- *Vận tải xăng dầu.* là hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty, trong đó:
 - ◆ Năng lực vận tải tại 31.12.2014 có trên 70 đầu xe tương đương 1.200 m³ phương tiện và năng lực đạt tới 50.000.000 m³ km/năm.
 - ◆ Lĩnh vực vận tải xăng dầu luôn là hoạt động đóng góp lớn cho lợi nhuận của Công ty trong những năm qua; đảm bảo việc làm cho 50% lao động và 70% nguồn lương của Công ty.
 - ◆ Thị phần vận tải nội địa của Công ty không thay đổi so với năm 2013: Chiếm 100% sản lượng vận tải cho các cửa hàng xăng dầu của Công ty xăng dầu Hà Sơn bình; 40% sản lượng vận tải cho các cửa hàng xăng dầu của công ty xăng dầu Điện Biên; Vận tải cho các khách hàng, đại lý có nhu cầu. Ngoài ra Công ty còn vận tải xăng dầu tái xuất sang Lào.
- *Kinh doanh xăng dầu.*
 - ◆ Hoạt động kinh doanh xăng dầu có những năm đã mang lại lợi nhuận chính cho Công ty, tuy nhiên những năm gần đây, đặc biệt năm 2014 là năm cực kỳ khó khăn đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu do ảnh hưởng của giá xăng

dầu thế giới liên tục giảm, giá bán lẻ trong nước cũng được điều chỉnh giảm. Trong điều kiện như vậy, Công ty đã rất nỗ lực điều hành linh hoạt hàng tồn kho để giảm thiểu lỗ chênh lệch giảm giá. Tuy vậy, kinh doanh xăng dầu năm 2014 vẫn lỗ.

- ◆ Mạng lưới kinh doanh xăng dầu hiện tại: 22 cửa hàng xăng dầu và hệ thống đại lý ở các tỉnh phía Bắc.
- *Kinh doanh khác:* Kinh doanh xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu; Kinh doanh phụ tùng và dịch vụ sửa chữa ô tô đã thực hiện đáp ứng tốt nhu cầu nội bộ; Kinh doanh đại lý bán bảo hiểm PJICO, Gas, nước giặt,...

3. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Hoạt động vận tải: Tiếp tục nâng cao chất lượng phương tiện và chất lượng vận tải để nâng cao vị thế và uy tín của Công ty.
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu: Chú trọng giải pháp tăng sản lượng bán lẻ để nâng cao năng suất lao động và giảm chi phí bán lẻ, tiếp tục quan tâm xây dựng cửa hàng xăng dầu văn hoá.
- Hoạt động kinh doanh phụ tùng và dịch vụ sửa chữa ô tô: Thực hiện phương châm "chất lượng để khẳng định uy tín và vị thế" và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Hoạt động kinh doanh tổng hợp: Xây dựng và phát triển mô hình kinh doanh tổng hợp (Bảo hiểm, gas, nước giặt, sơn) tại các cửa hàng xăng dầu với mục tiêu tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho công ty và người lao động.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục giữ vững và ổn định thị phần vận tải trên địa bàn truyền thống của Công ty, đảm bảo tăng trưởng về vận tải từ 5 đến 10%/năm.
- Tăng cường phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu, sửa chữa nâng cấp cửa hàng xăng dầu nâng cao tỷ trọng hiệu quả kinh doanh xăng dầu trong tổng lợi nhuận của Công ty.
- Tiếp tục củng cố và phát triển các loại hình kinh doanh vật tư phụ tùng, dịch vụ sửa chữa ô tô.
- Mở rộng và phát triển mạnh loại hình kinh doanh tổng hợp theo định hướng của Petrolimex: Bảo hiểm, Gas, nước giặt, sơn,.. và các loại hình kinh doanh thương mại và dịch vụ khác.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2014, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn còn chìm sâu trong khủng hoảng, tuy đã có dấu hiệu phục hồi nhẹ nhưng chỉ ở một số quốc gia. Chính trong điều kiện khó khăn chung đó, HĐQT PTS Hà Tây đã phải trăn trở suy nghĩ tìm ra giải pháp tối ưu nhất để chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Công ty, tận dụng các gói hỗ trợ kinh tế của Chính phủ và nắm bắt cơ hội kinh doanh khác trên thị trường, PTS Hà Tây đã đạt được hầu hết các mục tiêu ĐHĐCĐ giao cho.
- Kết quả hoạt động trong năm 2014

STT	Hạng mục	Đơn vị	Giá trị
1.	Doanh thu thuần	Đồng	1.174.648.167.393
2.	Lợi nhuận từ HĐ SXKD	Đồng	1.092.253.063
3.	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.113.081.016
4.	EPS	Đồng	1.321

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của PTS Hà Tây

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	Hạng mục	2014 KH (VNĐ)	TH so với KH (%)
1.	Doanh thu thuần	1.342.594.000.000	87%
2.	Lợi nhuận sau thuế	1.988.000.000	106%
3.	EPS	1.243	106%

Nguồn: Kế hoạch năm 2014 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của PTS Hà Tây

- Trong năm 2014, giá xăng dầu thế giới liên tục giảm, giá xăng dầu trong nước cũng được điều chỉnh giảm kịp thời theo đúng mức và biên độ giảm giá xăng dầu thế giới. Do vậy, Công ty phải chịu lỗ chênh lệch giá hàng tồn kho. Mặt khác, lãi gộp từ kinh doanh xăng dầu thấp chỉ bù đắp được các khoản chi phí. Năm 2014 kinh doanh xăng dầu lỗ chủ yếu do chênh lệch giảm giá hàng tồn kho.

- Kinh doanh vận tải cũng gặp nhiều khó khăn do phải thực hiện hạ tải trọng xe ô tô sitec theo đúng quy định của nhà nước. Điều này đã làm tăng thêm khoản chi phí, giá thành vận tải tăng.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc

- Năm 2014, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành đã quyết liệt trong mọi mặt hoạt động, quản lý, điều hành: Thu hồi công nợ, hàng tồn kho tại văn phòng Công ty và các chi nhánh; Linh hoạt trong thực hiện kế hoạch đầu tư: Dừng đầu tư tầng 3 nhà văn phòng để tập trung vốn đầu tư xe ô tô sitec kịp thời thay thế các xe hết niên hạn sử dụng và bổ sung năng lực vận tải thiếu hụt. Kết quả: Năm 2014 không còn tồn đọng những khoản công nợ dây dưa, giảm thiểu lỗ chênh lệch giá hàng tồn kho do nhà nước điều chỉnh giảm giá bán lẻ xăng dầu; Việc đầu tư đúng hướng và kịp thời đã đáp ứng kịp thời nhu cầu vận tải, tăng năng suất, tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả cho Công ty.
- Nhìn chung, trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, Giám đốc và Ban điều hành đã nỗ lực làm việc hết mình có những quyết định linh hoạt, kịp thời trong điều hành SXKD đem lại lợi ích tốt nhất có thể cho Công ty, tiếp tục nâng cao năng lực quản lý và chăm lo tốt hơn nữa cho đời sống CBCNV-NLĐ trong Công ty.

3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT

- *Hoạt động vận tải:* Thị trường cơ bản do Tập đoàn giao. Trong năm 2015, đây vẫn là hoạt động kinh doanh hàng đầu của Công ty. Việc giữ vững và tăng thị phần vận tải cho các đại lý và nhu cầu khác tiếp tục được chú trọng trong năm 2015.
- *Hoạt động kinh doanh xăng dầu:* Năm 2015 tình hình kinh doanh xăng dầu chưa có sự khởi sắc, giá dầu thế giới vẫn chưa xác định đáy. Tuy nhiên, cơ chế chính sách của Tập đoàn đối với các công ty cổ phần thành viên có sự thay đổi so với năm 2014 là được hưởng giá giao như các công ty xăng dầu thành viên (năm 2014 là cơ chế lãi gộp). Công ty chủ trương tiết giảm chi phí quản lý, tiết giảm lao động để nâng cao năng suất và hiệu quả kinh doanh.
- *Hoạt động tài chính:* Theo dự báo năm 2015 tình hình kinh tế có sự khởi sắc, Công ty tiếp tục tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chặt chẽ công nợ để giảm thiểu rủi ro và chi phí lãi vay.
- *Hoạt động kinh doanh vật tư phụ tùng và dịch vụ sửa chữa ô tô:* Đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực cạnh tranh để đảm bảo tốt nhu cầu nội bộ và phát triển ra ngoài thị trường.
- *Hoạt động kinh doanh tổng hợp:* Lợi dụng địa bàn kinh doanh xăng dầu là các cửa hàng xăng dầu để mở rộng và phát triển loại hình kinh doanh tổng hợp các mặt hàng

và dịch vụ của Petrolimex. Trước mắt là đẩy mạnh sản lượng bán DMN và các sản phẩm hóa dầu PLC, bảo hiểm PJICO, Gas Petrolimex, nước giặt JANA.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2014 tình hình kinh tế, chính trị thế giới có nhiều biến động phức tạp và bất ổn: Trung Quốc đưa giàn khoan ra Biển Đông, khủng hoảng chính trị ở Ucraina, cô lập kinh tế với nước Nga, chiến sự ở Trung Đông, giá dầu thế giới biến động bất thường, đến quý IV có xu hướng giảm mạnh, khó lường.

Trong nước, kinh tế vĩ mô ổn định tốt hơn năm 2013, lạm phát được kiểm soát, mặt bằng lãi suất giảm 2% so với cuối năm 2013. Giá xăng dầu từng bước được thực hiện theo cơ chế thị trường, ngành công nghiệp sản xuất vẫn hết sức khó khăn, nợ xấu vẫn cao, số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động lớn, theo đó nhu cầu xăng dầu giảm, mặt khác do có sự cạnh tranh không lành mạnh của một số doanh nghiệp đầu mối, cộng với giá xăng dầu giảm đã tác động bất lợi đến chỉ tiêu sản lượng và lợi nhuận của Công ty. Tình hình kinh doanh của Công ty chịu nhiều áp lực khó khăn do chịu tác động của các yếu tố: Thực hiện hạ tải trọng xe ô tô sitec theo đúng quy định của Nhà nước và của cơ quan đăng kiểm; mức thù lao tổng đại lý thấp không đủ bù đắp chi phí bán lẻ tại các cửa hàng xăng dầu; Công ty phải chịu lỗ chênh lệch giá do giá bán lẻ xăng dầu trong nước giảm mạnh.

Trước những khó khăn đó, ngay từ đầu năm Ban giám đốc Công ty đã đặt ra các mục tiêu, đề ra các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị, cá nhân nhằm khắc phục khó khăn để tổ chức thực hiện hoàn thành tốt nhất kế hoạch ĐHCĐ nhất trí thông qua.

1. Báo cáo kết quả HĐSXKD

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện Năm 2013	Kế hoạch Năm 2014	Thực hiện Năm 2014	Tỷ lệ % so với KH	Tỷ lệ % so với TH 2013
1	Doanh thu thuần	Trđ	1.406.432	1.342.594	1.174.648	87.5%	83.5%
2	Chi phí kinh doanh	Trđ	32.607	31.150	33.315	106.9%	102.1%
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	2.495	2.650	2.783	105%	111.5%
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	1.871	1.988	2.113	106.3%	112.9%
5	Chia cổ tức	%	8%	8%	7%	87,5%	87,5%
6	Lao động	Người	265	265	265	100%	100%
7	Tiền lương bình quân	đ/ng/t	6.854.000	6.980.000	6.863.836	98.3%	100,1%
8	Nộp Ngân sách	Trđ	22.773	4.829	3.236	67%	14%

- **Kinh doanh vận tải:** Sản lượng vận tải năm 2014 bằng 105% kế hoạch, tăng trưởng 6,5% so với năm 2013, trong đó:

- Vận chuyển cho Công ty XD Hà Sơn Bình : 26,9 triệu m³km, giảm 3%
- Vận chuyển cho Công ty XD Điện Biên : 7,6 triệu m³km, tăng 3%
- Vận chuyển tái xuất cho Petrolimex Lào : 8,9 triệu m³km, tăng 58%
- Vận chuyển nội bộ PTS Hà Tây : 1,6 triệu m³km, giảm 2%

Doanh thu vận tải đạt 92 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế đạt 2.058 triệu đồng.

- **Kinh doanh xăng dầu:** Sản lượng bán xăng dầu năm 2014 bằng 87% kế hoạch, giảm 18% so với thực hiện năm 2013, trong đó:

- Bán lẻ trực tiếp : 22.300 M³ = 100% KH và = 94% so với TH 2013
- Bán buôn, đại lý : 29.954 M³ = 79% KH và = 74% so với TH 2013

Sản lượng bán đại lý giảm do cơ chế chính sách của Tập đoàn không khuyến khích các công ty cổ phần bán đại lý.

Chi phí bán lẻ bình quân 678 đồng/lít trong khi mức thù lao tổng đại lý PTS Hà Tây được hưởng bình quân cả năm là 635 đồng/lít. Do đó bán lẻ lỗ bình quân (-) 43 đồng/lít. Tổng lỗ bán lẻ XD (-) 903 triệu đồng

Kết quả KDXD năm 2014 lỗ (-) 1.379 trđ, trong đó:

- Lỗ bán lẻ tại các CHXD : (-) 1.824 trđ , trong đó: Lỗ do tăng , giảm giá XD (-) 921 trđ; Lỗ bán lẻ (-) 903 trđ .
- Bán buôn XD lãi 445 trđ.
- **Hàng hóa, Dịch vụ khác:** Lãi 391 trđ
- **Hoạt động tài chính:** 22 trđ
- **Thu nhập khác (thanh lý tài sản, TN khác):** 1.690 trđ

Trong năm 2014, Công ty chưa thực hiện tạm ứng cổ tức cho cổ đông hiện hữu, việc thanh toán cổ tức sẽ được thực hiện sau khi tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2015.

2. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2014 đạt 84.551 triệu đồng, không tăng so với năm 2013. Trong đó:

- Tài sản dài hạn tăng 27,6% so với năm 2013 do Công ty đầu tư mới tài sản cố định chủ yếu là mua mới xe ô tô sitec thay thế xe hết niên hạn và bù đắp phần dung tích xe phải hạ tải trọng theo quy định của Nhà nước.
- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 31% so với năm 2013 do Công ty tăng cường giám sát công tác thu hồi công nợ khách hàng.
- Hàng tồn kho giảm 34,3% so với năm 2013 do Công ty điều hành hàng tồn kho về mức thấp để giảm thiểu lỗ do giảm giá xăng dầu.

- Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,87	0,66
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,01	1,97
Hệ số Nợ ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,71	0,17

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31.12.2014 là 56.126 triệu đồng tương đương với năm 2013. Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn giảm 13 tỷ đồng, các khoản phải trả

người bán tăng 12 tỷ đồng. Theo quy luật chung của ngành hàng thương mại, chỉ số nợ nhà cung cấp của Công ty qua các năm đều ở mức an toàn.

- Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014
Hệ số thanh toán nhanh	0,77	0,53
Hệ số thanh toán hiện hành	1	1

Hệ số thanh toán hiện hành lớn hơn 1 và hệ số thanh toán nhanh lớn hơn 0,5 cho thấy Công ty luôn duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn.

- Khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2013 (%)	Thực hiện năm 2014 (%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,13	0,18
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	6,7	7,4
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	2,2	2,5
Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	0,17	0,1

Khả năng sinh lời của Công ty năm 2014 tăng so với năm 2013 do Vốn chủ sở hữu và Tổng tài sản không tăng. Riêng hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần thực hiện năm 2014 đạt thấp và giảm so với năm 2013 do chi phí HĐKD của Công ty năm 2014 tăng đột biến về khoản chi phí cải tạo hạ tải trọng xe ô tô sitec theo đúng quy định của Nhà nước, lỗi chênh lệch giá hàng tồn kho do giảm giá bán lẻ xăng dầu.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

TT	Hạng mục đầu tư	Khối lượng	KH 2014 (trđ)	TH 2014 (trđ)	TH/KH (%)
A	Đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư		18.408	16.738	91
1	Xe ô tô sitec Dongfeng 10m ³ /xe	12 xe	8.200	8.189	99,8
2	Xe ô tô sitec Hyundai 20m ³ /xe	2 xe	4.550	4.601	101
3	Xe ô tô sitec Hino 18 m ³ /xe	3 xe	5.500	3.684	67
4	Cột bơm xăng dầu	01 cột	158	157	99,3
5	Trang thiết bị văn phòng			107	
B	Các hạng mục sửa chữa lớn		760	1.286	169
1	Sân bãi đỗ xe khu A	2.200m ²	760	760	100
2	Cải tạo văn phòng (cổng, phòng l/v, hội trường)			413	
3	Cải tạo xưởng sửa chữa			113	

Năm 2014, Công ty đã cơ bản hoàn thành kế hoạch đầu tư với tổng vốn đầu tư là 16.738 trđ, trong đó: Vốn Công ty là 12.595 trđ, vốn góp lái xe là 4.143 trđ. Các hạng mục đầu tư chủ yếu là mua mới xe ô tô sitec thay thế các xe hết niên hạn sử dụng và bù đắp phần dung tích xe bị thiếu hụt do hạ tải trọng theo đúng quy định của nhà nước. Riêng hạng mục xe Hino, kế hoạch là 03 xe nhưng Công ty mới thực hiện đầu tư 02 xe, 01 xe thực hiện vào quý 1 năm 2015.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý – điều hành:
 - Công ty đã ban hành lại một số quy chế quản lý nội bộ để phù hợp với các quy định của Tập đoàn XDVN, của nhà nước và pháp luật hiện hành
 - Kiện toàn lại cơ cấu tổ chức cho phù hợp với điều kiện SXKD, nâng cao hiệu quả: Giải thể 03 CHXD kém hiệu quả, thuê mới 04 CHXD, tách Đội vận tải Công ty thành 02 đội (01 đội đường dài và 01 đội đường ngắn)
 - Tăng cường cung cấp thông tin nhanh, chính xác cho các cấp điều hành, làm cơ sở cho việc phối hợp điều hành tài chính hiệu quả hơn giữa các đơn vị trong Công ty.
- Các biện pháp kiểm soát rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động:

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra sát sao công tác an toàn kỹ thuật, an toàn PCCC, BVMT và an toàn VSLĐ. Ý thức trách nhiệm đối với việc đảm bảo an toàn trong mọi hoạt động của các đơn vị và lái xe được nâng cao
- Rà soát để tiết kiệm chi phí sử dụng vốn, chi phí quản lý, tiếp khách, hội nghị và chi khác; Tiếp tục rà soát hoàn thiện cơ chế, định mức khoán chi phí vận tải đến từng đầu xe, tăng cường trách nhiệm và tạo động lực cho lái xe quản lý và khai thác tốt phương tiện vận tải được giao, bảo đảm an toàn nâng cao năng suất và hiệu quả
- Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, SXKD
- Thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ, trọng tâm là kiểm tra công tác bán hàng, công tác bảo đảm an toàn tài chính; công tác an toàn kỹ thuật
- Chỉ đạo công tác an toàn trong các dịp lễ, tết; hưởng ứng tuần lễ ATVSLĐ, PCCN năm 2014; chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; chỉ đạo tăng cường đảm bảo an toàn PCCN khi nhập hàng, an toàn PCCC mùa hanh khô và đảm bảo an toàn về mọi mặt hoạt động.

5. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết của ĐHĐCĐ họp ngày 17/4/2014
- Quyết định và chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014
- Quyết định và triển khai kế hoạch đầu tư năm 2014 và tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư phát triển Công ty đã đề ra: Đầu tư phương tiện vận tải có chất lượng để tăng cường năng lực và thay thế phương tiện hết niên hạn, đáp ứng nhiệm vụ hiện tại và đón trước yêu cầu thị trường; phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu; Cải tạo nâng cấp cửa hàng bán lẻ xăng dầu để tăng sản lượng bán lẻ
- Chỉ đạo tiết giảm chi phí quản lý, chi phí hao hụt và quản lý chặt công nợ để giảm chi phí lãi vay
- Các biện pháp kiểm soát: Hoàn thiện và ban hành Hệ thống các quy chế, quy định quản lý điều hành để điều chỉnh toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của công ty; Hoàn thiện quy chế quản lý nội bộ, phong cách và lề lối làm việc có tác dụng và hiệu quả rõ rệt đối với hoạt động kinh doanh.

6. Kế hoạch kinh doanh năm 2015

Căn cứ kết quả kinh doanh đã đạt được năm 2014 và định hướng kinh doanh của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, Ban Giám đốc đã trình Hội đồng quản trị phê duyệt Kế hoạch cho năm 2015 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015
I	Doanh thu thuần	Trđ	1.174.648	995.040
1	Doanh thu vận tải	Trđ	92.080	93.500
2	Doanh thu xăng dầu	Trđ	1.068.234	886.540
3	Doanh thu khác	Trđ	14.334	15.000
II	Doanh thu HĐTC, TN khác	Trđ	2.000	70
III	Tổng chi phí + Giá vốn	Trđ	1.173.865	992.250
IV	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	2.783	2.860
V	Thuế thu nhập	Trđ	670	660
VI	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	2.113	2.200

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến Kiểm toán độc lập

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Trụ sở chính

Địa chỉ : Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235, Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Tp.Hà Nội

Tel : +84 (4) 3 783 2121 Fax: +84 (4) 3 783 2122

Email : info@cpvietnam.vn

Website : www.cpvietnam.vn

Ý kiến kiểm toán độc lập

“ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm)

V. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty mẹ của PTS Hà Tây là Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam

Tên Công ty : Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam

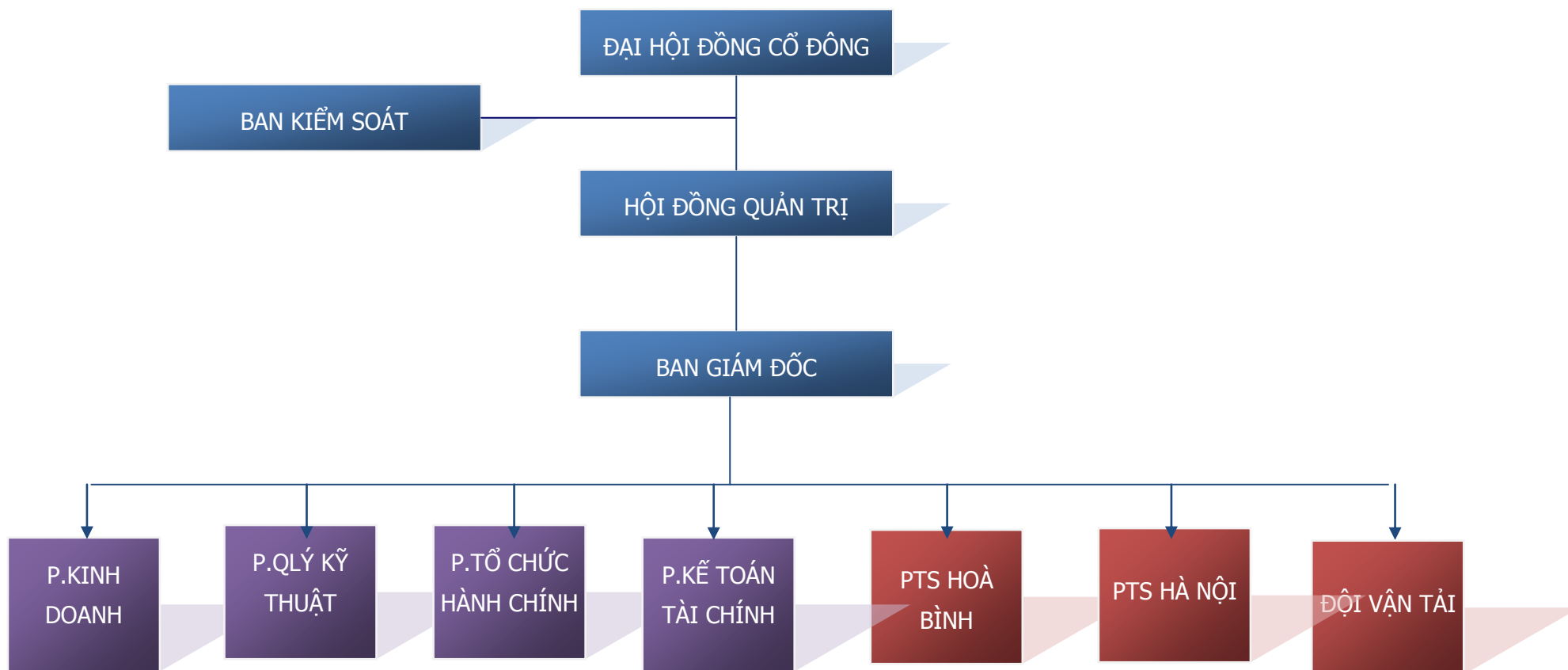
Địa chỉ : Số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội

Số cổ phần nắm giữ : 816.000 cổ phần, tương đương 51% Vốn Điều lệ PTS Hà Tây

Lĩnh vực hoạt động : Kinh doanh xăng dầu, nhựa đường, dầu nhờn, thiết bị xăng dầu;
Bất động sản và Xây dựng, v.v.

VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty



Nguồn: PTS Hà Tây

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Họ và tên : Lê Tự Cường – Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc

Giới tính : Nam

Số CMND : 111439065 do Hà Nội cấp ngày 18/01/2010

Ngày tháng năm sinh : 15/10/1969

Nơi sinh : Ứng Hoà – Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Ngõ 7 Đường Lê Trọng Tấn, Phường La Khê, HĐ, HN

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 05/1992 – 12/1993 : Nhân viên nghiệp vụ Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/1994 – 12/1995 : Chuyên viên kinh doanh Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/1996 – 09/1996 : Phụ trách phòng KD XN XD K133–CTXD Hà Sơn Bình
- 10/1996 – 09/1999 : Trưởng phòng KD XN Xăng dầu K133–CTXD Hà Sơn Bình
- 10/1999 – 09/2000 : Trưởng phòng KD–XN Vận tải&Dịch vụ–CTXD Hà Sơn Bình
- 10/2000 – 12/2006 : Ủy viên HĐQT – Trưởng phòng KD PTS Hà Tây
- 01/2007 – 04/2012 : Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc PTS Hà Tây
- 04/2012 đến nay : Ủy viên HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây

Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây

Số cổ phần nắm giữ : 27.240 cổ phần (chiếm tỷ lệ 1,70% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Những người có liên quan:

- Bố: Lê Tự Đệ sở hữu 0 cổ phần
- Mẹ: Vương Thị Nhâm sở hữu 0 cổ phần
- Chị: Lê Thị Thu Hương sở hữu 0 cổ phần
- Chị: Lê Thị Thu Hường sở hữu 0 cổ phần
- Em: Lê Tự Nghĩa sở hữu 0 cổ phần
- Em: Lê Tự Chủ sở hữu 0 cổ phần
- Vợ: Nguyễn Thị Quyên sở hữu 3.000 cổ phần
- Con: Lê Tự Quốc Thắng, Lê Mạnh Tiến – Còn nhỏ

Họ và tên : Nguyễn Tử Bình – Phó Giám đốc

Giới tính : Nam
Số CMND : 111439607 do CA Hà Tây cấp ngày 21/06/1996
Ngày tháng năm sinh : 07/01/1971
Nơi sinh : Hoa Lư – Ninh Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Phú La, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 01/1995 – 12/1995 : Nhân viên cửa hàng DMN - Gas Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/1996 – 12/1999 : Chuyên viên Phòng kinh doanh Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/2000 – 11/2000 : Chuyên viên Phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 12/2000 – 12/2006 : Đội trưởng Vận tải Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- Từ tháng 4/2003 : Ủy viên BKS Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 01/2007 – 12/2010 : Ủy viên BKS – Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- Từ tháng 1/2011 đến nay : Phó giám đốc công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Chức vụ hiện tại : Phó giám đốc công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Số cổ phần nắm giữ : 11.860 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,74% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Những người có liên quan:

- Bố: Nguyễn Tử Thư sở hữu 0 cổ phần
- Mẹ: Nguyễn Thị Thuận sở hữu 5.000 cổ phần
- Em: Nguyễn Tử An sở hữu 0 cổ phần

- Con: Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Lê Khánh Hà – Còn nhỏ

Họ và tên : Dương Tú Oanh – Phó Giám đốc

Giới tính : Nữ

Số CMND : 111402373 do Hà Tây cấp ngày 21/02/2006

Ngày tháng năm sinh : 12/11/1972

Nơi sinh : Hà Đông - Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 602, CT6-XD, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 09/1993 – 12/1999 : Công nhân xăng dầu Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/2000 – 9/2000 : Chuyên viên kế toán Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 10/2000 – 07/2002 : Chuyên viên phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 8/2002 – 01/2006 : Chuyên viên phụ trách kinh doanh, kế toán chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội
- 02/2006 – 03/2007 : Phó giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội
- 04/2007 – nay : Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội
- 12/2010 : Phó giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội.

Chức vụ hiện tại : Phó giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội

Số cổ phần nắm giữ : 28.010 cổ phần (chiếm tỷ lệ 1,75% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Những người có liên quan:

- Bố: Dương Trọng Tự (đã mất) sở hữu 0 cổ phần
- Mẹ: Đỗ Thị Thanh Hiền sở hữu 0 cổ phần

- Anh: Dương Việt Anh sở hữu 0 cổ phần
- Anh: Dương Đức Anh sở hữu 0 cổ phần
- Em: Dương Hoàng Ngân sở hữu 0 cổ phần
- Em: Dương Thanh Thủy sở hữu 3.650 cổ phần
- Chồng: Bùi Quốc Hoài sở hữu 4.900 cổ phần
- Con: Bùi Dương Hoài Linh, Bùi Mai Dương – Còn nhỏ

Họ và tên : **Bùi Văn Thường – Phó Giám đốc**

Giới tính : Nam
 Số CMND : 111630591 do Hà Tây cấp ngày 26/11/2007
 Ngày tháng năm sinh : 20/12/1961
 Nơi sinh : Thành Kim – Thạch Thành – Thanh Hóa
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Đa Sỹ, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí nông nghiệp

Quá trình công tác :

- 5/1987 – 9/1992 : Chuyên viên cơ khí - Trạm máy kéo Thạch Thành tỉnh Thanh Hóa
- 10/1992 – 12/1999 : Kỹ sư cơ khí – Trạm dịch vụ, Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/2000 – 6/2000 : Chuyên viên phòng Quản lý kỹ thuật – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 7/2000 – 9/2000 : Chuyên viên kỹ thuật – Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ, Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 10/2000 : Ủy viên Ban kiểm soát – Chuyên viên phòng Kinh doanh – Kỹ Thuật, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 11/2000 – 4/2002 : Ủy viên Ban kiểm soát - Phó phòng Quản lý kỹ thuật - Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 5/2002 – 11/2013 : Ủy viên Ban kiểm soát - Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
- 12/2013 – Nay : Phó giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Chức vụ hiện tại : Phó giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Số cổ phần nắm giữ : 10.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,62% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Những người có liên quan:

- Bố: Bùi Văn Canh (đã mất) sở hữu 0 cổ phần
- Mẹ: Tống Thị Nho sở hữu 0 cổ phần
- Anh: Bùi Quang An sở hữu 0 cổ phần
- Chị: Bùi Thị Thái sở hữu 0 cổ phần
- Anh: Bùi Văn Thế sở hữu 0 cổ phần
- Vợ: Đào Thị Hồng sở hữu 0 cổ phần
- Con: Bùi Thị Thanh Hà sở hữu 0 cổ phần

Họ và tên : Chu Đức Hậu – Kế toán trưởng

Giới tính : Nam

Số CMND : 019174000001 do Hà Nội cấp ngày 28/9/2012

Ngày tháng năm sinh : 20/10/1963

Nơi sinh : Gia Phong – Gia Viễn – Ninh Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế trường ĐH Thương Mại

Quá trình công tác :

- 4/1990 – 01/1995 : Chuyên viên kế toán – Xí nghiệp đầu lửa Đổ Xá
- 02/1995 – 3/1995 : Phó trưởng phòng kế toán Chi nhánh đầu lửa Đổ Xá
- 4/1995 – 12/1995 : Phó trưởng phòng kế toán tài chính – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/1996 – 7/1996 : Trưởng phòng kế toán tài chính Xí nghiệp xăng dầu K133 – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 7/1996 – 12/2005 : Phó trưởng phòng kế toán tài chính – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/2006 – 5/2006 : Phó phòng Quản lý kỹ thuật - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 6/2006 – nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Số cổ phần nắm giữ : 800 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Những người có liên quan:

- Anh: Chu Đức Thành sở hữu 0 cổ phần
- Chị: Chu Thị Diễm sở hữu 0 cổ phần
- Anh: Chu Bá Thi sở hữu 0 cổ phần
- Em: Chu Anh Tuấn sở hữu 0 cổ phần
- Vợ: Trương Thị Kim Chi sở hữu 0 cổ phần
- Con: Chu Thảo Anh sở hữu 0 cổ phần
- Con: Chu Hải Phong sở hữu 0 cổ phần

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Cơ cấu lao động tại 31.12.2014

Cơ cấu theo hợp đồng		
Hợp đồng	SL (người)	Tỷ lệ
Không thời hạn	198	74,72%
Xác định thời hạn	67	25,28%
Tổng	265	100%

Cơ cấu theo trình độ		
Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Đại học + Cao đẳng	85	32,08%
Trung cấp	26	9,81%
Công nhân kỹ thuật	154	58,11%
Tổng	265	100%

Nguồn: PTS Hà Tây

4. Thay đổi cổ đông nội bộ

Trong năm 2014, có sự thay đổi cổ đông nội bộ như sau:

Ngày 17/4/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã miễn nhiệm Ông Đào Văn Chiện thôi tham gia HĐQT để nghỉ hưu theo chế độ. Do vậy, Ông Đào Văn Chiện thôi không là cổ đông nội bộ từ ngày 17/4/2014; ĐHĐCĐ đã bầu bổ sung ông Ngô Ngọc Vĩnh làm thành viên Ban kiểm soát. Ông Ngô Ngọc Vĩnh là cổ đông nội bộ từ ngày 17/4/2014.

VII. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Trong năm 2014, có sự thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị như sau:

Ngày 17/4/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã miễn nhiệm Ông Đào Văn Chiện thôi tham gia HĐQT để nghỉ hưu theo chế độ. Đồng thời ĐHĐCĐ đã bầu bổ sung ông Nguyễn Tử Bình – Phó giám đốc Công ty tham gia thành viên HĐQT. Như vậy, năm 2014 HĐQT có 5 thành viên không chuyên trách, trong đó có 1 thành viên không tham gia điều hành.

Trong năm 2014, HĐQT đã triệu tập 04 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản 6 lần, đề ra nghị quyết và các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định. HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc:

- Định kỳ hàng quý, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2014, đề ra những mục tiêu cụ thể và thông qua các chủ trương, tư vấn biện pháp thực hiện cho Ban điều hành.
- Giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
- Chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên, xây dựng kế hoạch năm 2015.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong HĐQT:

1) Ông: Đàm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT – Không điều hành – Phó giám đốc Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

Giới tính	: Nam
Số CMND	: 012425771 do Hà Nội cấp ngày 09/4/2001
Ngày tháng năm sinh	: 30/9/1955
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Số 26 tổ 10, Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 10/1978 – 9/1982 : Giáo viên – Ty giáo dục Phú Khánh
- 10/1982 – 8/1991 : Chuyên viên Công ty bách hóa – Bộ Nội Thương
- 9/1991 – 5/1992 : Chuyên viên Phòng Kinh doanh – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 6/1992 – 4/1993 : Trưởng bộ phận tin học Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 5/1993 – 9/1994 : Cửa hàng trưởng CHXD Đại An – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 10/1994 – 12/1995 : Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/1996 – 9/2005 : Phó giám đốc xí nghiệp xăng dầu K133 - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 10/2005 – 4/2009 : Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 5/2009 đến nay : Phó giám đốc Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- Từ tháng 4 năm 2012 là Chủ tịch HĐQT Công ty PTS Hà Tây

Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT – Không điều hành – Phó Giám đốc Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông: Lê Tự Cường - UV HĐQT – Giám đốc Công ty (Như phần lý lịch của Ban điều hành)

3) Ông: Nguyễn Tử Bình – UV HĐQT – Phó giám đốc Công ty (Như phần lý lịch của Ban điều hành)

4) Ông: Nguyễn Tiến Cường – UV HĐQT – Phó giám đốc Công ty (Như phần lý lịch của Ban điều hành)

5) Ông: Bùi Quốc Hoài – UV HĐQT – Đội trưởng Vận tải Công ty

Giới tính : Nam

Số CMND : 111687923 do Hà Tây cấp ngày 22/3/2000

Ngày tháng năm sinh : 15/7/1972

Nơi sinh : Mộc Châu, Sơn La

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 602 CT6-XD, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 9/1993 – 11/2002 : Nhân viên bán xăng dầu – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 12/2002 – 10/2003 : Công nhân giao nhận DMN, Gas - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 11/2003 – 5/2004 : Nhân viên bán xăng dầu – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 6/2004 – 3/2008 : Nhân viên Đội Vận tải – Công ty PTS Hà Tây
- 4/2008 – 7/2009 : Cửa hàng trưởng CHXD Chi nhánh PTS Hòa Bình – Công ty PTS Hà Tây
- 8/2009 – 12/2010 : Chuyên viên Phòng kinh doanh – Công ty PTS Hà Tây
- 01/2011 – nay : Đội trưởng Đội vận tải – Công ty PTS Hà Tây
- Từ tháng 4 năm 2012 là thành viên HĐQT Công ty PTS Hà Tây

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT – Đội trưởng Đội vận tải Công ty

Số cổ phần nắm giữ : 4.900 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,31% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Thông tin về thành viên HĐQT tại 31.12.2014

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ		Lương, thưởng năm 2014 (VNĐ)	Thù lao 2014(VNĐ)
		SL	%		
Đàm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	0	0%		74.160.000
Lê Tự Cường	UV HĐQT	27.240	1,7%	404.447.405	53.160.000
Nguyễn Tử Bình	UV HĐQT	11.860	0,74%	326.415.554	39.870.000
Nguyễn Tiến Cường	UV HĐQT	21.760	1,36%	331.401.536	53.160.000
Bùi Quốc Hoài	UV HĐQT	4.900	0,3%	244.071.412	53.160.000

Nguồn: PTS Hà Tây

Thông tin giao dịch cổ phiếu trong năm 2014 của Thành viên HĐQT

Họ và tên	Số cổ phần nắm giữ				Ghi chú
	Đầu năm	Mua	Bán	Cuối năm	
Đàm Quang Dũng	0	0	0	0	
Lê Tự Cường	27.240	0	0	27.240	
Nguyễn Tử Bình	11.860	0	0	11.860	
Nguyễn Tiến Cường	21.760	0	0	21.760	
Bùi Quốc Hoài	4.900	0	0	4.900	

Nguồn: PTS Hà Tây

2. Ban kiểm soát

Trong năm 2014, có sự thay đổi nhân sự trong Ban kiểm soát như sau:

Ngày 17/4/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã miễn nhiệm Ông Bùi Văn Thường thôi tham gia Ban kiểm soát do được bổ nhiệm làm Phó giám đốc Công ty. Đồng thời ĐHĐCĐ đã bầu bổ sung ông Ngô Ngọc Vĩnh tham gia thành viên Ban kiểm soát. Như vậy, năm 2014 Ban kiểm soát có 3 thành viên không chuyên trách, trong đó có 1 thành viên không tham gia điều hành.

Năm 2014, BKS đã tích cực phối hợp với HĐQT, Ban điều hành Công ty nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và phòng ngừa rủi ro trong các hoạt động của Công ty:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và đưa ra các ý kiến độc lập khách quan trong phạm vi quyền hạn của BKS.
- Tham gia góp ý xây dựng kế hoạch SXKD, Kế hoạch cân đối vốn.
- Giám sát việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Tham gia thảo luận, góp ý xây dựng, sửa đổi các quy chế quản lý của Công ty.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong BKS:

1) Bà: Đặng Thị Hồng Hà – Trưởng BKS – Không điều hành – Thành viên BKS Tập đoàn xăng dầu Việt Nam

Giới tính : Nữ

Số CMND : 011940301 do Hà Nội cấp ngày 16/4/1996
Ngày tháng năm sinh : 10/3/1963
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Số 39 ngõ 54A/5, Trần Phú, Hà Nội
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 1984 – 1994 : Trưởng phòng tài chính kế toán – Công ty Vật liệu điện và Dụng cụ cơ khí
- 1995 – 2009 : Thành viên BKS Tổng công ty xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn xăng dầu Việt Nam)
- Từ năm 2009 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty PTS Hà Tây

Chức vụ hiện tại : Trưởng BKS – Không điều hành – Thành viên BKS Tập đoàn xăng dầu Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông: Bùi Trung Định – Thành viên BKS – Trưởng phòng kinh doanh Công ty PTS Hà Tây

Giới tính : Nam
Số CMND : 017123352 do CA Hà Nội cấp ngày 26/12/2009
Ngày tháng năm sinh : 30/8/1975
Nơi sinh : Hưng Yên
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Số nhà 8, TT23, Khu đô thị Văn Phú, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 6/2001 – 3/2003 : Nhân viên Đội vận tải – Công ty PTS Hà Tây
- 4/2003 – 12/2006 : Đội phó Đội Vận tải – Công ty PTS Hà Tây
- 01/2007 – 12/2010 : Đội trưởng Đội Vận tải – Công ty PTS Hà Tây

- 01/2011 – nay : Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty PTS Hà Tây
- Từ tháng 3 năm 2011 là Thành viên BKS Công ty PTS Hà Tây

Chức vụ hiện tại : Thành viên BKS – Trưởng phòng Kinh doanh Công ty PTS Hà Tây

Số cổ phần nắm giữ : 880 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Ông: Ngô Ngọc Vĩnh – Thành viên BKS – Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty PTS Hà Tây

Giới tính : Nam

Số CMND : 011621179 do Hà Nội cấp ngày 15/9/2005

Ngày tháng năm sinh : 13/10/1969

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Thôn Ngang, Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 01/1987 – 3/1993 : Công nhân xí nghiệp in – Tổng cục hậu cần
- 4/1993 – 7/1993 : Bảo vệ - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 8/1993 – 6/1994 : Đi học nghiệp vụ – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 7/1994 – 4/1996 : Công nhân xăng dầu - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 5/1996 – 7/1996 : Nhân viên bảo vệ – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 8/1996 – 12/1999 : Lái xe con - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
- 01/2000 – 11/2002 : Lái xe con - Công ty PTS Hà Tây
- 12/2000 – 12/2004 : Chuyên viên Phòng tổ chức hành chính – Công ty PTS Hà Tây
- 01/2005 – 12/2006 : Phó Phòng tổ chức hành chính – Công ty PTS Hà Tây
- 01/2007 – nay : Trưởng phòng Tổ chức hành chính – Công ty PTS Hà Tây
- Từ tháng 4 năm 2014 là thành viên BKS Công ty PTS Hà Tây

Chức vụ hiện tại : Thành viên BKS – Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty PTS Hà Tây

Số cổ phần nắm giữ : 3.400 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Thông tin về thành viên Ban kiểm soát tại 31.12.2014

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ		Lương, thưởng 2014 (VNĐ)	Thù lao 2014 (VNĐ)
		SL	%		
Đặng Thị Hồng Hà	Trưởng ban	0	0		53.160.000
Bùi Trung Định	UV	880	0.05	232.551.412	37.200.000
Ngô Ngọc Vĩnh	UV	3.400	0.21	224.484.540	37.200.000

Nguồn: PTS Hà Tây

Thông tin giao dịch cổ phiếu trong năm 2014 của Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Số cổ phần nắm giữ				Ghi chú
	Đầu năm	Mua	Bán	Cuối năm	
Đặng Thị Hồng Hà	0	0	0	0	
Bùi Trung Định	880	0	0	880	
Ngô Ngọc Vĩnh	3.400	0	0	3.400	

Nguồn: PTS Hà Tây

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cơ cấu cổ đông PTS Hà Tây tại 21.5.2014

Loại cổ đông	Số lượng	Số CP	Tỷ trọng	
Nhà nước (đại diện là Petrolimex)	1	816.000	51,00%	
Tổ chức trong nước	1	2.760	0,18%	
Cá nhân	216	781.260	48,82%	
	<i>Trong nước</i>	<i>216</i>	<i>781.260</i>	<i>48,8%</i>
	<i>Ngoài nước</i>	-		
Tổng		1.600.000	100%	

Nguồn: PTS Hà Tây

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2015

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Lê Tự Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ/BTM ngày 03 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) dưới hình thức cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 05 năm 2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX HATAY TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PTS HATAY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Đàm Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Đào Văn Chiện	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 17/04/2014)
Ông Lê Tự Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Cường	Ủy viên
Ông Bùi Quốc Hoài	Ủy viên
Ông Nguyễn Tử Bình	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 17/04/2014)

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm có:

Ban Giám đốc

Ông Lê Tự Cường	Giám đốc
Ông Nguyễn Tử Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc
Bà Dương Tú Oanh	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Thường	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Lê Tự Cường

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2015



GIÁM ĐỐC
Lê Tự Cường

Số: 115/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây được lập ngày 05 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009 -2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2015*

Vũ Thị Hồng Quỳnh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1969-2013-075-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		27.643.375.471	39.990.331.944
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.310.806.087	3.259.116.050
1. Tiền	111		1.310.806.087	3.259.116.050
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.548.756.778	26.898.524.008
1. Phải thu khách hàng	131		18.046.751.600	17.434.184.189
2. Trả trước cho người bán	132		405.632.000	9.184.778.200
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	96.373.178	279.561.619
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	5.737.593.151	8.741.156.538
1. Hàng tồn kho	141		5.737.593.151	8.741.156.538
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.046.219.455	1.091.535.348
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	735.037.436	391.685.425
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		550.032.019	77.825.923
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	761.150.000	622.024.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		56.907.747.659	44.586.456.418
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		51.638.457.108	41.498.749.928
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	49.684.565.664	39.442.806.554
- Nguyên giá	222		91.775.700.980	79.521.937.533
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.091.135.316)	(40.079.130.979)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	1.541.881.220	1.585.259.672
- Nguyên giá	228		1.871.985.537	1.871.985.537
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(330.104.317)	(286.725.865)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	412.010.224	470.683.702
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		5.269.290.551	3.087.706.490
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	5.269.290.551	3.087.706.490
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		84.551.123.130	84.576.788.362

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		56.126.113.896	56.559.615.133
I- Nợ ngắn hạn	310		28.466.079.270	30.866.173.351
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	8.336.967.610	21.411.892.351
2. Phải trả người bán	312		16.808.098.992	4.862.680.328
3. Người mua trả tiền trước	313		2.593.135.354	3.373.261.490
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	539.337.545	312.609.249
5. Phải trả người lao động	315		-	580.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.12	97.832.228	99.231.780
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		90.707.541	226.498.153
II- Nợ dài hạn	330		27.660.034.626	25.693.441.782
1. Phải trả dài hạn khác	333	5.13	27.660.034.626	25.693.441.782
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		28.425.009.234	28.017.173.229
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	28.425.009.234	28.017.173.229
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.000.000.000	16.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.051.082.000	1.051.082.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.834.786.841	7.834.786.841
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.426.059.377	1.409.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.113.081.016	1.722.304.388
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		84.551.123.130	84.576.788.362

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		753.390.346	753.390.346
5. Ngoại tệ các loại (USD)		382,8	889,0

Người lập



Ngô Thị Vui

Kế toán trưởng



Chu Đức Hậu

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Lê Tự Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.174.648.167.393	1.406.432.156.830
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	1.174.648.167.393	1.406.432.156.830
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	1.138.385.029.650	1.369.927.689.514
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		36.263.137.743	36.504.467.316
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	64.483.363	189.818.880
7. Chi phí tài chính	22	5.18	1.918.754.267	1.712.821.859
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.876.114.107	1.698.062.894
8. Chi phí bán hàng	24	5.19	18.229.744.092	20.337.987.944
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.086.869.684	12.269.726.019
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.092.253.063	2.373.750.374
11. Thu nhập khác	31	5.20	1.935.508.880	121.191.161
12. Chi phí khác	32	5.21	244.585.209	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.690.923.671	121.191.161
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.783.176.734	2.494.941.535
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	670.095.718	623.735.383
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.113.081.016	1.871.206.152
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	1.321	1.170

Người lập

Ngô Thị Vui

Kế toán trưởng

Chu Đức Hậu

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Lê Tự Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.783.176.734	2.494.941.535
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.479.681.613	5.916.706.426
- Các khoản dự phòng	03	-	274.829.895
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.329.235.663)	(306.182.516)
- Chi phí lãi vay	06	1.876.114.107	1.698.062.894
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.809.736.791	10.078.358.234
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.661.494.511	(4.772.264.421)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.003.563.387	(640.579.243)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	12.705.953.548	6.868.169.029
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.524.936.072)	55.311.375
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.565.168.050)	(1.698.062.894)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(450.865.384)	(1.670.149.519)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.323.967.201	3.713.686.147
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.723.565.196)	(2.270.726.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	28.240.180.736	9.663.742.463
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.172.086.821)	(21.311.944.544)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.294.545.453	116.363.636
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	34.690.210	189.818.880
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.842.851.158)	(21.005.762.028)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	29.900.303.582	33.411.669.685
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(42.975.228.323)	(22.696.730.738)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.270.714.800)	(1.906.072.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.345.639.541)	8.808.866.747
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.948.309.963)	(2.533.152.818)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.259.116.050	5.792.268.868
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.310.806.087	3.259.116.050

Người lập

Ngô Thị Vui

Kế toán trưởng

Chu Đức Hậu

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2015
 Giám đốc



Lê Tự Cường

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ/BTM ngày 03 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) dưới hình thức cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 05 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 16.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	816.000	8.160.000.000	51%
Các cổ đông khác	784.000	7.840.000.000	49%
Tổng	1.600.000	16.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2014: 248 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Tổng đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và các hàng hóa khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện vận tải, vật tư thiết bị, phụ tùng ô tô, vật tư thiết bị chuyên dùng xăng dầu;
- Xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu, thiết bị xăng dầu và các công trình dân dụng khác;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ kho vận, bãi đỗ xe; Dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải;
- Đại lý, kinh doanh mua và bán thiết bị, dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Trồng trọt;
- Chăn nuôi;
- Nuôi trồng thủy sản.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014 là kinh doanh xăng dầu và vận tải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Một số tài sản là phương tiện vận tải gồm các xe ô tô chuyên dùng vận chuyển xăng dầu được Công ty trích khấu hao theo mức sản lượng đăng ký với cục thuế hàng năm. Các tài sản cố định hữu hình còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2014</u> <u>(Số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao là từ 30 đến 50 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm tự động hoá và phần mềm quản lý các cửa hàng xăng dầu khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 4-7 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê các cửa hàng xăng dầu, giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các khoản chi phí khác.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam và các công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	507.214.468	313.941.939
Tiền gửi Ngân hàng	803.591.619	2.945.174.111
Tổng	1.310.806.087	3.259.116.050

5.2 Phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu thuế TNCN	82.490.207	193.898.627
Phải thu khác	13.882.971	85.662.992
Tổng	96.373.178	279.561.619

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	431.989.074	267.747.183
Công cụ, dụng cụ	8.034.000	8.059.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	76.260.000	-
Hàng hoá	5.221.310.077	8.465.350.355
Tổng	5.737.593.151	8.741.156.538

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	735.037.436	323.839.156
Công cụ dụng cụ	-	42.846.269
Chi phí khác	-	25.000.000
Tổng	735.037.436	391.685.425

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	761.150.000	383.205.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	238.819.000
Tổng	761.150.000	622.024.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ B 09-DN

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Tổng
Số dư tại 01/01/2014	13.281.932.652	3.089.970.846	62.931.967.830	218.066.205	79.521.937.533
Tăng trong năm	-	157.300.000	16.474.123.639	106.468.182	16.737.891.821
Mua mới trong năm	-	157.300.000	16.474.123.639	106.468.182	16.737.891.821
Giảm trong năm	210.876.619	97.864.394	4.175.387.361	-	4.484.128.374
Thanh lý nhượng bán	210.876.619	97.864.394	4.175.387.361	-	4.484.128.374
Số dư tại 31/12/2014	13.071.056.033	3.149.406.452	75.230.704.108	324.534.387	91.775.700.980
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2014	7.199.261.979	2.041.449.889	30.704.807.282	133.611.829	40.079.130.979
Tăng trong năm	1.027.518.338	257.437.593	5.103.949.620	47.397.610	6.436.303.161
Khấu hao trong năm	1.027.518.338	257.437.593	5.103.949.620	47.397.610	6.436.303.161
Giảm trong năm	210.876.619	97.864.394	4.115.557.811	-	4.424.298.824
Thanh lý, nhượng bán	210.876.619	97.864.394	4.115.557.811	-	4.424.298.824
Số dư tại 31/12/2014	8.015.903.698	2.201.023.088	31.693.199.091	181.009.439	42.091.135.316
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2014	6.082.670.673	1.048.520.957	32.227.160.548	84.454.376	39.442.806.554
Tại 31/12/2014	5.055.152.335	948.383.364	43.537.505.017	143.524.948	49.684.565.664

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2014 với giá trị là 23.528.431.035 đồng, tại ngày 31/12/2013 là 20.811.815.850 đồng.

Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 15.239.820.583 đồng, tại ngày 31/12/2013 là 11.971.028.138 đồng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2014	1.744.485.537	127.500.000	1.871.985.537
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>1.744.485.537</u>	<u>127.500.000</u>	<u>1.871.985.537</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2014	189.359.801	97.366.064	286.725.865
Tăng trong năm	35.342.740	8.035.712	43.378.452
Khấu hao trong năm	35.342.740	8.035.712	43.378.452
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>224.702.541</u>	<u>105.401.776</u>	<u>330.104.317</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	<u>1.555.125.736</u>	<u>30.133.936</u>	<u>1.585.259.672</u>
Tại 31/12/2014	<u>1.519.782.996</u>	<u>22.098.224</u>	<u>1.541.881.220</u>

5.8. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	470.683.702	470.683.702
Tăng trong năm	17.534.798.883	21.566.040.293
Kết chuyển tài sản cố định	16.737.891.821	21.291.035.454
Giảm khác	855.580.540	275.004.839
Tại ngày 31 tháng 12	<u>412.010.224</u>	<u>470.683.702</u>
	31/12/2014	01/01/2014
Chi tiết theo công trình	VND	VND
Chi phí san lấp ao khu B	412.010.224	470.683.702
Tổng	<u>412.010.224</u>	<u>470.683.702</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.087.706.490	3.417.591.819
Tăng trong năm	5.287.478.778	2.242.533.264
Phân bổ vào chi phí trong năm	3.105.894.717	2.572.418.593
Tại ngày 31 tháng 12	5.269.290.551	3.087.706.490
<i>Theo khoản mục chi phí</i>	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền thuê cửa hàng	4.359.619.992	2.458.369.954
Chi phí CCDC tại VP Công ty	719.426.409	236.176.189
Chi phí CCDC Xưởng sửa chữa	71.607.106	27.607.946
Chi phí CCDC tại các Cửa hàng Xăng dầu	77.497.960	240.458.517
Các chi phí khác	41.139.084	125.093.884
Tổng	5.269.290.551	3.087.706.490

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.000.000.000	20.000.000.000
- Sở Giao dịch Đồng Đa Hà Nội	3.336.967.610	1.411.892.351
Các cá nhân	3.336.967.610	1.411.892.351
Tổng	8.336.967.610	21.411.892.351

Trong đó:

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở Giao dịch Đồng Đa Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1055.12.002.1355194.TD.DN ngày 26/12/2012; hạn mức vay 40 tỷ đồng; lãi suất trong hạn được xác định căn cứ trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ với Công ty và quyết định về lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ; lãi suất của từng khoản vay sẽ được khế ước nhận nợ của khoản vay đó. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	96.472.513	62.999.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp	416.215.716	196.985.382
Thuế thu nhập cá nhân	26.649.316	52.624.568
Tổng	539.337.545	312.609.249

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	9.025.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	97.832.228	90.206.580
Tổng	97.832.228	99.231.780

5.13. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền đặt cọc của lái xe không tính lãi suất	-	575.876.280
Tiền đặt cọc của lái xe có tính lãi suất	15.088.192.611	15.487.790.606
Phải trả tiền góp vốn, liên kết mua xe	12.571.842.015	9.629.774.896
Tổng	27.660.034.626	25.693.441.782

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Số dư tại 01/01/2013	16.000.000.000	1.051.082.000	7.134.786.841	1.237.000.000	3.346.574.827	
Tăng trong năm	-	-	700.000.000	172.000.000	1.871.206.152	
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	1.871.206.152	
Trích lập quỹ	-	-	700.000.000	172.000.000	-	
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.495.476.591	
Trích lập quỹ từ LN 2012	-	-	-	-	1.426.574.827	
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.906.072.200	
Thù lao HĐQT và BKS không làm việc trực tiếp	-	-	-	-	140.400.000	
Giảm khác	-	-	-	-	22.429.564	
Số dư tại 31/12/2013	16.000.000.000	1.051.082.000	7.834.786.841	1.409.000.000	1.722.304.388	
Số dư tại 01/01/2014	16.000.000.000	1.051.082.000	7.834.786.841	1.409.000.000	1.722.304.388	
Tăng trong năm	-	-	-	94.000.000	2.113.081.016	
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	2.113.081.016	
Trích lập quỹ	-	-	-	94.000.000	-	
Giảm trong năm	-	-	-	76.940.623	1.722.304.388	
Trích lập quỹ từ LN 2013	-	-	-	-	442.304.388	
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.280.000.000	
Giảm khác	-	-	-	76.940.623	-	
Số dư tại 31/12/2014	16.000.000.000	1.051.082.000	7.834.786.841	1.426.059.377	2.113.081.016	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	8.160.000.000	8.160.000.000
Các cổ đông khác	7.840.000.000	7.840.000.000
Tổng	16.000.000.000	16.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	16.000.000.000	16.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	16.000.000.000	16.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.280.000.000	1.906.072.200

d. Cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.834.786.841	7.834.786.841
Quỹ dự phòng tài chính	1.426.059.377	1.409.000.000

5.15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.080.661.308.891	1.314.874.634.258
Doanh thu bán xăng dầu	1.068.234.793.913	1.303.743.538.251
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	4.297.840.396	3.434.473.647
Doanh thu bán hàng hóa khác	8.128.674.582	7.696.622.360
Doanh thu cung cấp dịch vụ	93.986.858.502	91.557.522.572
Doanh thu vận tải bộ	92.080.365.830	85.014.750.649
Doanh thu dịch vụ hoạt động khác	1.152.178.868	227.593.601
Doanh thu xây lắp	754.313.804	6.315.178.322
Tổng	1.174.648.167.393	1.406.432.156.830

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.062.977.271.322	1.294.054.584.547
Giá vốn bán xăng dầu	1.051.350.526.643	1.283.675.423.496
Giá vốn bán dầu mỡ nhờn	3.864.015.568	3.007.756.872
Giá vốn bán hàng hóa khác	7.762.729.111	7.371.404.179
Giá vốn cung cấp dịch vụ	75.407.758.328	75.873.104.967
Giá vốn vận tải bộ	73.612.289.058	69.465.003.580
Giá vốn dịch vụ hoạt động khác	1.055.501.422	194.491.549
Giá vốn xây lắp	739.967.848	6.213.609.838
Tổng	1.138.385.029.650	1.369.927.689.514

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi	34.690.210	182.219.990
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.793.153	7.598.890
Tổng	64.483.363	189.818.880

5.18 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	1.876.114.107	1.698.062.894
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.640.160	14.758.965
Tổng	1.918.754.267	1.712.821.859

5.19 Chi phí bán hàng

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	6.630.008.705	7.126.852.668
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.093.200.097	947.624.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	975.011.948	1.103.383.817
Chi phí sửa chữa tài sản	286.977.590	574.526.445
Chi phí bốc xếp, vận chuyển, bảo hiểm	1.081.862.324	4.364.795.862
Thuế, phí và lệ phí	50.484.499	234.787.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.861.629	552.138.825
Chi phí bằng tiền khác	7.708.337.300	5.433.878.007
Tổng	18.229.744.092	20.337.987.944

5.20 Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý tài sản cố định	1.294.545.453	116.363.636
Thu nhập khác	640.963.427	4.827.525
Tổng	1.935.508.880	121.191.161

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.21 Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	59.829.550	-
Chia lãi thanh lý xe liên kết	115.355.077	-
Chi phí khác	69.400.582	-
Tổng	244.585.209	-

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.783.176.734	2.494.941.535
Các khoản điều chỉnh tăng giảm		
Các khoản điều chỉnh tăng	262.712.893	-
- <i>Thù lao HĐQT không làm việc trực tiếp</i>	68.640.000	-
- <i>Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế</i>	78.717.816	-
- <i>Chia lãi thanh lý tài sản liên kết</i>	115.355.077	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận tính thuế TNDN	3.045.889.627	2.494.941.535
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	670.095.718	623.735.383

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.113.081.016	1.871.206.152
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.113.081.016	1.871.206.152
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	1.600.000	1.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.321	1.170

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.417.121.537	49.310.558.548
Chi phí nhân công	27.345.805.278	27.022.621.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.479.681.613	5.916.706.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.499.855.849	1.922.251.019
Chi phí khác bằng tiền	24.991.907.827	23.570.470.946
Tổng	108.734.372.104	107.742.608.037

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Tiền lương và các khoản thu nhập khác	1.447.990.000	1.481.152.092

b. Số dư và Giao dịch trong nội bộ Tập đoàn - được chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

6.2 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh phụ tùng, dịch vụ sửa chữa, xây lắp và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2013:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vận tải	Kinh doanh	Khác	Tổng
		xăng dầu		
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	34.097.758.716	6.833.014.105	97.293.405	41.028.066.226
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	470.683.702	470.683.702
Các khoản phải thu	5.845.638.490	19.859.816.426	1.193.069.092	26.898.524.008
Hàng tồn kho	275.806.183	7.401.690.455	1.063.659.900	8.741.156.538
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	7.438.357.888
Tổng tài sản				84.576.788.362
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	25.696.482.692	8.298.199.132	621.818.002	34.616.499.826
Phải trả tiền vay	-	21.411.892.351	-	21.411.892.351
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	535.122.957	531.222.956
Tổng nợ phải trả				56.559.615.133

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh	Khác	Tổng
		xăng dầu		
DOANH THU				
Tổng doanh thu	85.014.750.649	1.307.178.011.898	14.239.394.283	1.406.432.156.830
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-
Doanh thu	85.014.750.649	1.307.178.011.898	14.239.394.283	1.406.432.156.830
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	1.783.555.952	259.248.968	141.126.574	2.183.931.494
Lãi tiền gửi	-	-	-	189.818.880
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	121.191.161
Thuế TNDN	-	-	-	(623.735.383)
Lợi nhuận trong năm				1.871.206.152

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2014:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	45.221.525.057	5.928.111.244	76.810.583	51.226.446.884
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	412.010.224	412.010.224
Các khoản phải thu	11.150.612.538	6.033.980.505	1.364.163.735	18.548.756.778
Hàng tồn kho	440.023.074	3.099.908.682	2.197.661.395	5.737.593.151
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	8.626.316.093
Tổng tài sản				84.551.123.130
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	27.836.846.854	17.427.555.671	1.894.698.675	47.159.101.200
Phải trả tiền vay	-	8.336.967.610	-	8.336.967.610
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	630.045.086	630.045.086
Tổng nợ phải trả				56.126.113.896

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	92.080.365.830	1.072.532.634.309	10.035.167.254	1.174.648.167.393
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-
Doanh thu	92.080.365.830	1.072.532.634.309	10.035.167.254	1.174.648.167.393
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	2.057.678.115	(1.214.134.432)	184.226.017	1.027.769.700
Lãi tiền gửi	-	-	-	64.483.363
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	1.690.923.671
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(670.095.718)
Lợi nhuận trong năm				2.113.081.016

6.3 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mà gồm tiền và các khoản tương đương tiền.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.310.806.087	3.259.116.050
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.143.124.778	17.713.745.808
Tổng cộng	19.453.930.865	20.972.861.858
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	8.336.967.610	21.411.892.351
Phải trả khách hàng và phải trả khác	44.565.965.846	30.655.353.890
Tổng cộng	52.902.933.456	52.067.246.241

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ ít, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn do vậy không chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ các nhà cung cấp trong cùng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để phục vụ hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là của các khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục, thường xuyên đối chiếu công nợ và các khách hàng trong cùng Tập đoàn.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	16.905.931.220	27.660.034.626	44.565.965.846
Các khoản vay	8.336.967.610	-	8.336.967.610
Tại ngày 01/01/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.961.912.108	25.693.441.782	30.655.353.890
Các khoản vay	21.411.892.351	-	21.411.892.351

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.310.806.087	-	1.310.806.087
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.143.124.778	-	18.143.124.778
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.259.116.050	-	3.259.116.050
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.713.745.808	-	17.713.745.808

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán và có thực hiện phân loại lại số liệu đầu kỳ của khoản mục các khoản phải trả khác ngắn hạn và dài hạn.

Người lập biểu

Ngô Thị Vui

Kế toán trưởng

Chu Đức Hậu

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Lê Tự Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 báo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

TỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DỮ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu 02-B/HN-CTC

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2014

II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác

Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác
			Tổng số	Trong đó:		
		1	2	3	4	5
C	D					
11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	55.405.003.259	-	-	-	-
11026000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	16.390.198.214	-	-	-	-
11056000	Công ty CP Gas Petrolimex	49.090.908	-	-	-	-
11038000	Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	558.201.832				
11006001	Công ty TNHH ITV Petrolimex Lào	18.715.300.466				
	Tổng	91.117.794.679	-	-	-	-

Đơn vị tính: Đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 báo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu 03-B/HN-CTC

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

T	Mã đơn vị	Chi tiêu/Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bép và phụ kiện	Hàng hóa khác
	C	D	1	2	3	4
		Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho đầu kỳ	6.590.455.850	452.125.787	-	-
I		Giá trị hàng hóa mua nội bộ trong kỳ	1.046.690.039.155	2.538.507.523	-	-
	11016000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	69.871.094.282	-	-	-
	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	571.324.122.368	-	-	-
	11015005	Chi nhánh xăng dầu Hòa Bình- Công ty XD Hà Sơn Bình	405.494.822.505	-	-	-
	11024500	Tổng công ty Hoá dầu Petrolimex- CTCP	2.538.507.523	-	-	-
II		Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong kỳ	1.050.180.586.323	2.247.286.749	-	-
V		Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ	3.099.908.682	743.346.561	-	-

NG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 báo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu 04-B/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHDXD	Phải thu khác	Ký quỹ ký cược	Cho vay nội bộ
C	D	1	2	3	4	5	6
	PHẦN I: NGÂN HẠN	11.429.350.327	-	-	-	-	-
11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	6.443.134.364	-	-	-	-	-
11026000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	1.799.843.566	-	-	-	-	-
11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	6.000.000	-	-	-	-	-
11006001	Công ty TNHH ITV Petrolimex Lào	2.721.115.157	-	-	-	-	-
11038000	Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	459.257.240	-	-	-	-	-
	PHẦN II: DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

HỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu 05-B/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

TT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HDXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			PHẦN I: NGẮN HẠN	16.071.249.935					
1	XD	11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	1.000.576.959					
2	XD	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	13.158.430.589					
3	XD	11015005	Chi nhánh xăng dầu Hòa Bình - Công ty XD Hà Sơn Bình	1.383.423.629					
			Tổng Công ty Hoá dầu Petrolimex-CTCP	528.818.758					
			PHẦN II: DÀI HẠN						



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

MÃU 06-B/HN-CTC

BÁO CÁO CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Kỳ báo cáo: Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

Mã đơn vị	Đối tượng cho vay	Gốc vay			Phân loại thời hạn hoàn trả của gốc vay theo thời gian			
		01/01/2014	Nhận tiền vay	Trả nợ gốc	31/12/2014	Trong năm 2014	Trong năm 2015	Trong năm 2016
B	C	1	2	3	4	5	6	7
	Vay và nợ nội bộ tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-
	Vay và nợ Ngân hàng, TCTD khác	20.000.000.000	25.000.000.000	40.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở GD Đống Đa Hà Nội	20.000.000.000	25.000.000.000	40.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
	Tổng	20.000.000.000	25.000.000.000	40.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

Người lập biểu

Ngô Thị Vui

Kế toán trưởng

Chu Đức Hậu

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2015

03500387897, Giám đốc



Lê Tự Cường

